

Phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

THS. NGUYỄN MINH SÁNG & NGUYỄN THỊ HẠNH HOA

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

Bài viết phân tích sản phẩm hoán đổi lãi suất chéo giữa hai loại tiền tệ (Cross Currency Interest Rate Swap - CCIRS) hay sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo (Cross Currency Swap – CCS) để thấy khả năng áp dụng sản phẩm này tại hệ thống các ngân hàng thương mại VN. Sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo là sản phẩm tài chính phái sinh giúp cho các ngân hàng hoặc các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có thể phòng tránh được rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Từ khóa: Hoán đổi lãi suất; hoán đổi tiền tệ chéo (CCS); hoán đổi lãi suất – tiền tệ chéo (CCIRS).

1. Đặt vấn đề

Trong khi ở các thị trường tài chính nước ngoài, việc sử dụng công cụ phái sinh nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và tìm kiếm lợi nhuận rất phổ biến, đặc biệt đối với các công cụ phái sinh về lãi suất, tại thị trường VN các công cụ này tuy không xa lạ do đã được cho phép thực hiện bởi ngân hàng nước ngoài nhưng vẫn chưa phổ biến và việc sử dụng chúng trong phòng ngừa rủi ro lãi suất đối với các ngân hàng trong nước còn nhiều hạn chế. Chính vì thế, bài viết này sẽ giới thiệu sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo (Cross Currency Swap – CCS) hay hoán đổi lãi suất chéo giữa hai loại tiền tệ (Cross Currency Interest Rate Swap - CCIRS) - một sản phẩm tài chính phái sinh tương đối mới giúp các ngân hàng có thể phòng ngừa rủi ro lãi suất một cách chủ động và tăng thêm tiện ích cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất

nhập khẩu giúp phòng ngừa rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất khi sử dụng dịch vụ của các ngân hàng thương mại.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo quan điểm của Ủy ban Basel (Basel, 2004) thì rủi ro lãi suất trong hoạt động của các định chế tài chính và ngân hàng là sự tác động của việc thay đổi lãi suất lên thu nhập từ lãi và các thu nhập khác nhạy cảm với lãi suất. Lãi suất thay đổi cũng tác động đến quy mô của tổng tài sản cũng như nguồn vốn của ngân hàng và các công cụ ngoại bảng bởi vì khi lãi suất thay đổi làm thay đổi dòng tiền mà ngân hàng hay các định chế tài chính nhận được trong tương lai. Cũng theo Ủy ban Basel (Basel, 2004) thì rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng xuất phát từ 4 nguyên nhân chính bao gồm: Rủi ro định giá lại phát sinh từ sự không phù hợp giữa kỳ hạn và lãi

suất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn của ngân hàng; rủi ro do đường cong lãi suất thay đổi trong độ dốc và hình dạng; rủi ro cơ bản xuất phát từ sự tương quan không hoàn hảo giữa việc điều chỉnh mức lãi suất đi vay và lãi suất cho vay của các tài sản tài chính khác nhau nhưng kỳ định giá lại tương đương nhau và cuối cùng là rủi ro phát sinh từ các hợp đồng quyền chọn đi kèm mà ngân hàng đã ký kết với khách hàng làm cho ngân hàng bị thụ động về thời gian phát sinh/không phát sinh dòng tiền.

Rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng sẽ tác động đến sự ổn định và phát triển bền vững của ngân hàng cũng như hệ thống tài chính quốc gia. Tuy nhiên, các biện pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất của các ngân hàng thương mại (NHTM) VN chủ yếu là các biện pháp phòng ngừa rủi ro nội bảng như: Sử dụng thị trường liên

ngân hàng; xây dựng cơ chế định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP – Fund Transfer Pricing) giúp cân đối khe hở nhạy cảm lãi suất trong nội bộ ngân hàng; thay đổi quy mô của các khoản mục bên tài sản hoặc nguồn vốn giúp cân bằng khe hở nhạy cảm và chênh lệch thời lượng của các nhóm tài sản và nguồn vốn nhạy cảm lãi suất; thiết lập các giới hạn về tỷ lệ khe hở nhạy cảm lãi suất và các hệ số nhạy cảm lãi suất trên tổng tài sản giúp hạn chế tối đa các tổn thất có thể khi xảy ra rủi ro lãi suất và biện pháp phổ biến nữa được các NHTM VN thực hiện giúp phòng ngừa rủi ro lãi suất đó là việc thả nổi lãi suất huy động và cho vay theo cơ chế thỏa thuận lãi suất. Chính việc thả nổi lãi suất đã

trao đổi việc thanh toán lãi suất trên một số tiền danh nghĩa cố định giữa hai bên ký kết hợp đồng. Ngoài việc trao đổi thanh toán lãi suất vay phải trả hoặc lãi suất thanh toán phải thu, có hai sự trao đổi nguồn vốn vay hoặc cho vay bằng hai loại tiền tệ khác nhau vào thời điểm bắt đầu ký kết hợp đồng và vào ngày đáo hạn của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo. Tùy thuộc vào nhu cầu của các bên trong hợp đồng mà sự trao đổi nguồn vốn vay hoặc cho vay bằng hai loại tiền tệ khác nhau ban đầu có thể được thực hiện hay bỏ qua (Naoki Shinada, 2005).

Dựa vào lãi suất áp dụng cho từng loại tiền tệ được áp dụng, sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo được phân chia thành 4 loại cơ bản:

chéo, trong đó việc trao đổi vốn gốc đầu kỳ do các bên thỏa thuận thực hiện hoặc không thực hiện, nhưng bắt buộc phải có trao đổi vốn gốc vào cuối kỳ theo tỷ giá được thỏa thuận từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Nghiên cứu tình huống điển hình

Để hiểu thêm về cách thức sử dụng sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cũng như cơ chế giúp các NHTM hoặc doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro lãi suất và tỷ giá bài viết sẽ phân tích các tình huống cụ thể như sau:

Ngân hàng A có khoản phải thu bằng USD nhưng đối mặt với khoản chi trả hiện tại bằng VND. Để có VND sử dụng, ngân hàng A sẽ ký kết hợp đồng tín dụng vay 22 tỷ VND với lãi suất thả nổi từ ngân hàng B sử dụng, tuy nhiên lúc này ngân hàng A vừa sợ lãi suất VND tăng và vừa lo ngại USD sẽ giảm giá. Để đối phó với rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trong trường hợp này ngân hàng A ký kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo với ngân hàng B. Chi tiết của hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo như sau:

- Ngày hiệu lực của hợp đồng: 30/10/2013
- Tỷ giá hoán đổi thỏa thuận: 1 USD = 22,000 VND
- Số VND trao đổi ban đầu (nếu có): 22 tỷ VND
- Số USD trao đổi ban đầu (nếu có): 1 triệu USD
- Lãi suất USD cố định 5.25%/ năm cho kỳ tính lãi 3 tháng
- Lãi suất VND thả nổi theo lãi suất VNIBOR + 2.5%/ năm cho kỳ tính lãi 3 tháng
- Định kỳ trả lãi: 3 tháng
- Ngày đáo hạn của hợp đồng: 30/10/2015

Bảng 1: Phân loại sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo

Loại sản phẩm	Lãi suất áp dụng của đồng tiền thứ 1	Lãi suất áp dụng của đồng tiền thứ 2
1	Cố định	Thả nổi
2	Cố định	Thả nổi
3	Thả nổi	Cố định
4	Thả nổi	Cố định

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

giúp ngân hàng điều chỉnh được lãi suất theo thị trường nhằm cân đối quy mô tài sản và nguồn vốn giúp phòng tránh rủi ro lãi suất nhưng chính doanh nghiệp và khách hàng lại là đối tượng gánh chịu rủi ro lãi suất thay cho ngân hàng.

Theo Ngân hàng trung ương Anh (2004), sản phẩm hoán đổi lãi suất chéo giữa hai loại tiền tệ (CCIRS) hay sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo (CCS) là hợp đồng trao đổi các khoản thanh toán lãi suất của hai loại tiền tệ khác nhau. Theo hướng dẫn sử dụng dịch vụ của UniCredit Bank (2013) thì sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo là sự

Ở VN, giao dịch hoán đổi ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện từ ngày 10/01/1998 với Quyết định số 17/1998/QĐ-NHNN7. Tuy nhiên, mãi đến năm 2003 với Quyết định 1133/2003/QĐ-NHNN ngày 30/09/2003 thì nghiệp vụ hoán đổi lãi suất mới chính thức được cho phép thực hiện trên thị trường VN. Đến Quyết định số 62/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước thì nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ chéo mới được quy định tại mục 2 điều 4. Theo Ngân hàng Nhà nước (2006) thì hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hay hoán đổi lãi suất tiền tệ

Ngân hàng A và ngân hàng B có 2 lựa chọn khi có thể trao đổi vốn gốc đầu kỳ hoặc lựa chọn là không trao đổi vốn gốc đầu kỳ vào ngày hiệu lực của hợp đồng:

3.1. Trường hợp không trao đổi vốn gốc đầu kỳ

- Vào ngày hiệu lực của hợp đồng 30/10/2013: Ngân hàng A không phải chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc VND đã vay tại hợp đồng tín dụng và ngân hàng B không phải chuyển cho ngân hàng A số tiền gốc ngoại tệ tương ứng tại tỷ giá hoán đổi thống nhất tại thời điểm giao dịch.

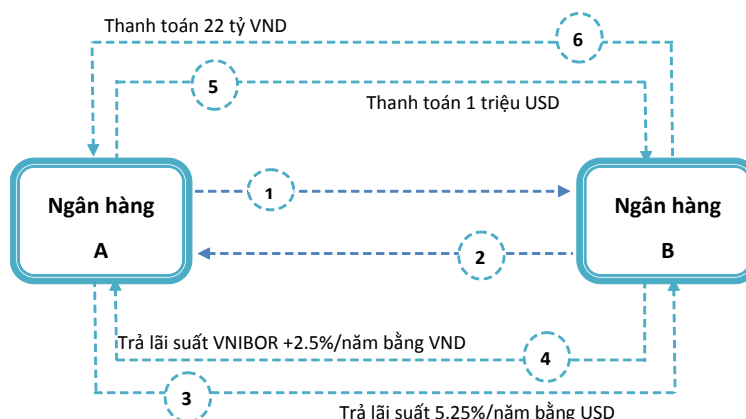
- Sau mỗi 3 tháng kể từ ngày 30/10/2013 là ngày định kỳ thanh toán lãi: Ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền lãi bằng USD theo lãi suất cố định là 5,25%/năm (3), đồng thời ngân hàng B chuyển cho ngân hàng A số tiền lãi VND theo lãi suất VNIBOR + 2,5%/năm (4).

- Vào ngày đáo hạn của hợp đồng 30/10/2015: Ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc ngoại tệ là 1 triệu USD (5) và ngân hàng B chuyển lại cho ngân hàng A số tiền 22 tỷ VND (6) theo tỷ giá hoán đổi thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

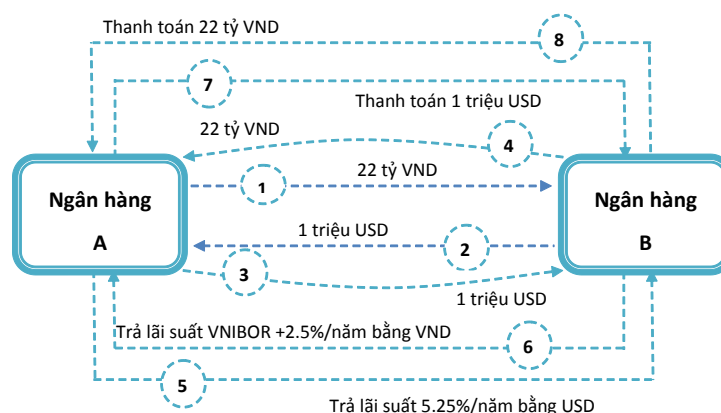
3.2. Trường hợp có trao đổi vốn gốc đầu kỳ

- Vào ngày hiệu lực của hợp đồng 30/10/2013: Ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc 22 tỷ VND (1) đã vay tại hợp đồng tín dụng và ngân hàng B phải chuyển cho khách hàng A số tiền gốc ngoại tệ tương ứng là 1 triệu USD (2) theo tỷ giá hoán đổi thỏa thuận tại thời điểm giao dịch. Sau đó, ngân hàng A bán lại 1 triệu USD (3) cho ngân hàng theo tỷ giá hoán đổi đã thỏa thuận và nhận 22

Hình 1: Sơ đồ dòng tiền của hợp đồng CCS không trao đổi vốn gốc ban đầu



Hình 2: Sơ đồ dòng tiền của hợp đồng CCS có trao đổi vốn gốc ban đầu



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

tỷ VND (4).

- Sau mỗi 3 tháng kể từ ngày 30/10/2013 là ngày định kỳ thanh toán lãi: Ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền lãi bằng USD theo lãi suất cố định là 5.25%/năm (5), đồng thời ngân hàng B chuyển cho ngân hàng A số tiền lãi VND theo lãi suất VNIBOR + 2.5%/năm (6).

- Vào ngày đáo hạn của hợp đồng 30/10/2015: Ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc ngoại tệ là 1 triệu USD (7) và ngân hàng B chuyển lại cho ngân hàng A số tiền 22 tỷ VND (8) theo tỷ giá hoán đổi thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

4. Kết luận và kiến nghị

Kết quả sau khi ký kết hợp đồng hoàn đổi tiền tệ chéo với ngân hàng B thì ngân hàng A đạt được một số mục tiêu như sau:

- Đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn: Có vốn VND sử dụng vào thời điểm hiện tại 30/10/2013.

- Tránh được rủi ro tỷ giá: Không sợ USD giảm giá vào thời điểm đáo hạn vì đã ký kết hợp đồng hoán đổi và thỏa thuận thanh toán số USD nhận được vào ngày đáo hạn. Đồng thời số VND nhận được dùng để thanh toán luôn cho hợp đồng tín dụng đáo hạn vào ngày 30/10/2015.

- Phòng chống rủi ro lãi suất: Không sợ phần vốn vay VND tăng lãi suất vì ngân hàng A đã được ngân hàng B thanh toán định kỳ 3 tháng theo lãi suất VND thả nổi. Lãi suất định kỳ ngân hàng A phải thanh toán là USD thì luôn cố định.

- Chi phí sử dụng vốn thấp: Ngân hàng A được sử dụng vốn bằng VND với lãi suất cao nhưng chỉ phải trả lãi suất cố định bằng USD với chi phí thấp hơn. Do ngân hàng A có nguồn thu USD đảm bảo nên tránh được rủi ro tỷ giá.

Tình huống trên chỉ là tình huống nghiên cứu điển hình để cho thấy cách thức áp dụng của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cũng như những ưu điểm mà sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo mang lại cho các đối tượng sử dụng dịch vụ. Đối tượng sử dụng sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo có thể là các NHTM hoặc các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nhu cầu sử dụng vốn vay VND trong khi có nguồn thu ngoại tệ từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy có nhiều lợi ích như vậy nhưng ở VN hiện nay việc phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo còn nhiều bất cập và mức độ phổ biến chưa cao. Theo tìm hiểu của nhóm nghiên cứu, hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo chủ yếu được thực hiện bởi các ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại VN hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại VN. Đối với các NHTM trong nước thì chỉ thấy Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV), Ngân hàng VN thịnh vượng (VPBank), Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) và Ngân hàng Đại chúng (PvcomBank) cung cấp sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo. Nhằm phát triển sản phẩm hoán đổi tiền

tệ chéo tại các NHTM VN, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và kiến nghị như sau:

- Các NHTM cần xem sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo vừa là sản phẩm cung cấp cho khách hàng giúp ngân hàng gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường vừa là công cụ quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá cho ngân hàng.

- Các NHTM cần chủ động ban hành quy trình triển khai sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo trong đó cần quy định cụ thể nhiệm vụ của các bộ phận có liên quan cũng như cách thức thực hiện sản phẩm dịch vụ.

- Khi cung cấp sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cho các khách hàng, các NHTM phải chủ động sử dụng các giao dịch đối ứng như là công cụ ngoại bảng cần thiết giúp ngân hàng có thể phòng tránh rủi ro.

- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ nhân sự trực tiếp thực hiện nghiệp vụ và tư vấn cho khách hàng về sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo.

- Tích cực quảng bá và giới thiệu sản phẩm cho khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ nhất là đối với các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Hoàn thiện các quy trình như dự báo lãi suất, tỷ giá và quy trình kiểm soát rủi ro đi kèm vì khi cung cấp sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cho khách hàng có thể làm thay đổi quy mô các hoạt động nội bảng và ngoại bảng của ngân hàng.

Bên cạnh những giải pháp từ phía các NHTM thì nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số kiến nghị với NHNN là cơ quan chủ quản giám sát và ban hành các quy định liên quan đến hoạt động của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo:

- NHNN cần ban hành quyết định mới thay thế cho Quyết định

số 62/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006 nhằm quy định chi tiết hơn nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ chéo cũng như quy trình giám sát rủi ro của các NHTM nhằm đảm bảo an toàn của hệ thống và theo kịp những thay đổi trong hoạt động kinh doanh ngân hàng hiện tại nhằm thúc đẩy phát triển của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo.

- NHNN nên có những chính sách truyền thông và định hướng rõ ràng trong việc điều hành chính sách tỷ giá và chính sách tiền tệ làm căn cứ cho các NHTM có thể dự báo lãi suất cũng như tỷ giá khi tiến hành phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cho khách hàng.

Sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo hay hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền là sản phẩm có nhiều tiện ích và tương đối mới ở VN. Tuy nhiên, khi triển khai hoặc áp dụng sản phẩm dịch vụ các NHTM nên xây dựng sẵn các kịch bản như đối tác sẽ đáo hạn hợp đồng sớm hơn so với thỏa thuận, đối tác không thực hiện việc thanh toán định kỳ, việc quản lý dòng tiền phát sinh của đối tác trong hợp đồng... để phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo tại các NHTM VN được thành công●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bank of England (2004), "Markets and Operations", *Quarterly Bulletin*, Vol. 44-2
- Basel Committee on Banking Supervision (2004), *Principles for the Management and Supervision of Interest Rate Risk*
- Naoki Shinada (2005), *Actual Factors To Determine Cross-Currency Basis Swaps: An Empirical Study On Us Dollar/Japanese Yen Basis Swap Rates From The Late 1990s*, Development Bank of Japan
- UniCredit Bank (2013), *Cross-Currency Swap*, Product guide.
- Website các ngân hàng thương mại VN.